gǔ gǔ

股骨

noun · femur

Example Sentences

Tā de gǔ gǔ shòu shāng le
他的股骨 受 伤 了。

His femur is injured.

Gǔ gǔ shì rén tǐ zhōng zuì cháng de gǔ tou
股骨是人体 中 最 长 的骨头。

The femur is the longest bone in the human body.

Yī shēng jiǎn chá le tā de gǔ gǔ fā xiàn méi yǒu gǔ zhé
医 生 检查了他的股骨，发现 没有骨折。

The doctor examined his femur and found no fracture.

Trace each character, then write the word on your own.

股 股 股 股 股 股 股 股 股 股 股

骨 骨 骨 骨 骨 骨 骨 骨 骨 骨 骨

骨